

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15- 5 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Hưng

2. Ông Giàng Seo Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Bàn Thị S, năm sinh 1995

Địa chỉ: Thôn C, xã C1, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Bàn Văn T, năm sinh 1994

Địa chỉ: Thôn C, xã C1, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bàn Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị S và anh Bàn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 09/9/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không tu trí làm ăn, thường xuyên uống rượu, chơi

bởi nên vợ chồng xảy ra cãi vã nhau, có lần anh T đã đánh chị, sau đó đem tài sản của gia đình đi bán để trả nợ, mặc dù vợ chồng sống chung với nhau cùng một mái nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Hiện chị S và anh T đã sống ly thân. Nay tình cảm giữa chị và anh T không còn, vợ chồng không thể chung sống với nhau, chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn T .

- Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị Bàn Thị S và anh Bàn Văn T có 02 con chung: Cháu Bàn Ngọc D, sinh ngày 30/6/2015, cháu Bàn Gia B, sinh ngày 31/8/2018. Khi ly hôn chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu D, anh T nuôi dưỡng cháu B cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Chị Bàn Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến về việc chị S khởi kiện ly hôn, nuôi con khi ly hôn và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân và nuôi con khi ly hôn giữa chị S và anh T hăng. Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên: Cháu Bàn Ngọc D có nguyện vọng được ở với chị S.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo qui định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về hôn nhân: Giải quyết cho chị Bàn Thị S được ly hôn với anh Bàn Văn T .

+ Về con chung: Giao chị Bàn Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Ngọc D, sinh ngày 30/6/2015, giao anh Bàn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Gia B, sinh ngày 31/8/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Bàn Văn T và chị Bàn Thị S không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản: Không đề nghị giải quyết.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên theo qui định Pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Giải quyết cho chị Bàn Thị S được ly hôn với anh Bàn Văn T .

+ Về con chung: Giao cháu Bàn Ngọc D, sinh ngày 30/6/2015 cho chị Bàn Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Giao cháu Bàn Gia B sinh ngày 31/8/2018 cho anh Bàn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Chị S và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Bàn Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn đối với anh Bàn Văn T có địa chỉ tại thôn Cốc Sâm, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Bắc Hà theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án nguyên đơn đã nhận và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bàn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bàn Thị S và anh Bàn Văn T là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Chị S xác nhận tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị ly hôn với anh Bàn Văn T .

Đối với anh Bàn Văn T , Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh

T theo đúng qui định của Bộ luật tổ tụng dân sự, nhưng anh T vắng mặt không có lý do và không có ý kiến với đề nghị của chị S. Do đó Toà án không tiến hành hoà giải được. Xác minh tại địa phương nơi anh T cư trú thì nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh T hay uống rượu say rồi về đánh chị S, thôn đã hòa giải hai vợ chồng nhưng anh T không thay đổi, dẫn đến vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị Bàn Thị S và anh Bàn Văn T có 02 con chung là cháu Bàn Ngọc D, sinh ngày 30/6/2015, cháu Bàn Gia B sinh ngày 31/8/2018, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, cháu D có ý kiến xin được ở với chị S. Sau khi ly hôn chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu D, anh T nuôi dưỡng cháu B cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xác minh tại địa phương nơi chị S và anh T cư trú thì anh chị có hai con chung. Hiện chị S và anh T làm nghề tự do, làm ruộng, nương tại địa phương, mức thu nhập lao động cùng loại như vậy tại địa phương khoảng 3.000.000 đồng đến 3.500.000 đồng/01 tháng. Anh T hăng, chị S đều đủ điều kiện nuôi con.

Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì chị S và anh T đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung như nhau, hiện anh chị có hai con chung, do các cháu còn nhỏ nên việc giao con chung cho chị S và anh T cùng có trách nhiệm nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên yêu cầu của chị S cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bàn Thị S, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Bàn Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1,3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27

của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bàn Thị S và anh Bàn Văn T. Quan hệ hôn nhân của anh, chị chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Bàn Ngọc D, sinh ngày 30/6/2015 cho chị Bàn Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Giao cháu Bàn Gia B sinh ngày 31/8/2018 cho anh Bàn Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Chị S và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Bàn Thị S phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003161892 ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003920 ngày 11/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- UBND xã Cốc Ly;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Thu Hương

